

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 04 năm 2023

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NĂM 2022

I. Tình hình bảo toàn và phát triển vốn tại ITAXA

1. Vốn chủ sở hữu: 261.006.006.881 đồng

Trong đó: - Vốn góp của chủ sở hữu : 255.000.000.000 đồng
- Quỹ đầu tư phát triển : 6.006.006.881 đồng
- Nguồn vốn xây dựng cơ bản : 0 đồng

2. Tổng tài sản: 328.094.251.022 đồng.

3. Lợi nhuận trước thuế: 25.050.761.592 đồng.

4. Lợi nhuận sau thuế: 20.020.022.937 đồng.

5. Hiệu suất sử dụng vốn:

$$\begin{aligned} \text{- Tỷ suất LN thực hiện} &= 100\% \times \frac{\text{LN thực hiện}}{\text{Vốn CSH bình quân}} = 100\% \times \frac{25.050.761.592}{276.162.798.682} = 9,07\% \\ \text{trên vốn chủ sở hữu} & \end{aligned}$$

Chỉ tiêu này đánh giá là 1 đồng vốn đầu tư tạo ra được 0,0907 đồng lợi nhuận trước thuế.

$$\begin{aligned} \text{- Tỷ suất LN sau thuế} &= 100\% \times \frac{\text{LN sau thuế}}{\text{Vốn CSH bình quân}} = 100\% \times \frac{20.020.022.937}{276.162.798.682} = 7,25\% \\ \text{trên vốn chủ sở hữu} & \end{aligned}$$

Chỉ tiêu này đánh giá là 1 đồng vốn đầu tư tạo ra được 0,0725 đồng lợi nhuận sau thuế.

$$\begin{aligned} \text{- Tỷ suất LN sau} &= 100\% \times \frac{\text{LN sau thuế}}{\text{Tổng TS bình quân}} = 100\% \times \frac{20.020.022.937}{332.285.418.889} = 6,02\% \\ \text{thuế trên tổng tài sản} & \end{aligned}$$

Chỉ tiêu này đánh giá là 1 đồng tài sản tạo ra được 0,0602 đồng lợi nhuận sau thuế.

Trong đó, chỉ tiêu vốn chủ sở hữu bình quân và tổng tài sản bình quân được xác định như sau:

$$\begin{aligned} \text{Vốn chủ sở} &= \frac{281.215.062.616 + 281.215.062.616 + 261.006.006.881}{4} = 276.162.798.682 \text{ đồng} \\ \text{hữu bình quân} & \\ \text{Tổng tài sản} &= \frac{321.580.378.717 + 330.913.352.550 + 348.553.693.266 + 328.094.251.022}{4} = 332.285.418.889 \text{ đồng} \\ \text{bình quân} & \end{aligned}$$

II. Việc quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại ITAXA

1. Tình hình đầu tư Dự án (kèm theo Biểu 02.A): Trong năm, ITAXA đã hoàn thành việc lập dự án đầu tư 01 hệ thống máy in offset tờ rời 2 mặt 4/4 màu đã qua sử dụng nhằm nâng cao năng lực sản xuất của Nhà in TTXVN tổng vốn đầu tư là: 8.630.000.000 đồng. Dự án đang trong quá trình triển khai và thực hiện, tính đến ngày 31/12/2022 đã giải ngân số tiền là: 1.980.000.000 đồng.

2. Tình hình đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp (kèm theo Biểu 02.B)

- Việc đầu tư vào Công ty con của ITAXA là Công ty Cổ phần Địa Sinh phù hợp với các quy định của pháp luật và năm 2022 công ty kinh doanh có lợi nhuận.

3. Tình hình huy động vốn và sử dụng vốn huy động: Không

4. Tình hình quản lý tài sản, nợ phải thu, nợ phải trả:

+ Tình hình quản lý tài sản:

- * Thẩm quyền quyết định các dự án đầu tư, mua sắm tài sản trong kỳ phù hợp với quy định của pháp luật và điều lệ công ty.
- * Việc trích khấu hao tài sản; thanh lý, nhượng bán tài sản trong kỳ thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/2/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014, Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014, Thông tư 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài Chính.
- * Xử lý hàng hóa thiếu hụt, kém phẩm chất hoặc mất phẩm chất thực hiện theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/2/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014, Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014, Thông tư 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài Chính.

- * ITAXA đã ban hành quy chế về quản lý nợ ngày 28/3/2014 theo quy định tại Nghị định số 206/2013/NĐ-CP ngày 09/12/2013 của Chính phủ về quản lý nợ của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và tình hình thực hiện quản lý nợ theo quy chế.

+ Tình hình nợ phải thu đến kỳ báo cáo:

Tổng số nợ phải thu khách hàng đến ngày 31/12/2022 là: 21.571.446.028 đồng.

Trong đó:

- * *Nợ phải thu khó đòi: 6.036.501.171 đồng.*
 - * *Đã trích lập dự phòng: 5.603.576.477 đồng.*
 - * *Xử lý nợ khó đòi trong kỳ báo cáo: 579.700.000 đồng*
- + Tình hình nợ phải trả đến kỳ báo cáo:
- * Tổng số nợ phải trả đến ngày 31/12/2022 là: 67.088.244.141 đồng.

Trong đó: Nợ phải trả quá hạn là: 0 đồng

* Tỷ số khả năng thanh toán nợ:

$$\frac{\text{Khả năng thanh toán hiện thời}}{\text{Khả năng thanh toán}} = \frac{\text{Tài sản ngắn hạn}}{\text{Nợ ngắn hạn}} = \frac{44.170.468.235}{46.718.689.167} = 0,95$$

$$\frac{\text{Khả năng thanh toán nhanh}}{\text{Khả năng thanh toán}} = \frac{\text{Tài sản ngắn hạn} - \text{Hàng tồn kho}}{\text{Nợ ngắn hạn}}$$

$$= \frac{44.170.468.235 - 6.174.831.384}{46.718.689.167} = 0,81$$

* Tỷ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu:

$$\frac{\text{Tỷ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu}}{\text{Tỷ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu}} = \frac{100\% \times \frac{\text{Tổng nợ phải trả}}{\text{Vốn chủ sở hữu}}}{100\% \times \frac{67.088.244.141}{261.006.006.881}} = 25,70\%$$

III. Tình hình sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của ITAXA (kèm theo Biểu 02.C)

1. Sản lượng sản xuất và tiêu thụ trang in offset (13x19) cm: năm 2022 đạt 25.904 triệu trang in đạt 117,75% kế hoạch, tăng 38,86% so với năm 2020 tương đương 7.249 triệu trang in và tăng 23,36% so với năm 2021 tương đương 4.906 triệu trang in.

2. Chỉ tiêu tài chính:

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2022 là 174.318 triệu đồng đạt 104,26% kế hoạch, tăng 1,75% so với năm 2020 tương đương 2.990 triệu đồng, tăng 11,24% so với năm 2021 tương đương 17.613 triệu đồng.
- Giá vốn hàng bán năm 2022 là 110.005 triệu đồng, giảm 0,25% so với năm 2020 tương đương 280 triệu đồng, tăng 5,64% so với năm 2021 tương đương 5.873 triệu đồng.
- Chi phí bán hàng năm 2022 là 1.173 triệu đồng, tăng 46,81% so với năm 2020 tương đương 374 triệu đồng, tăng 23,47% so với năm 2021 tương đương 223 triệu đồng.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2022 là 57.176 triệu đồng, tăng 7,34% so với năm 2022 tương đương 3.911 triệu đồng, tăng 19,81% so với năm 2021 tương đương 9.453 triệu đồng.
- Doanh thu hoạt động tài chính năm 2022 là 12.305 triệu đồng đạt 136,72% kế hoạch, tăng 27,46% so với năm 2020 tương đương 2.651 triệu đồng, giảm 16,79% so với năm 2021 tương đương 2.483 triệu đồng.
- Thu nhập khác năm 2022 là 9.904 triệu đồng đạt 112,55% kế hoạch, tăng 4,47% so với năm 2020 tương đương 424 triệu đồng, tăng 25,35% so với năm 2021 tương đương 2.003 triệu đồng.
- Chi phí khác năm 2022 là 3.122 triệu đồng, giảm 14,40% so với năm 2020 tương đương 525 triệu đồng, tăng 19,62% so với năm 2021 tương đương 512 triệu đồng.
- Lợi nhuận trước thuế năm 2022 là 25.051 triệu đồng, đạt 103,52% kế hoạch, tăng 11,51% so với năm 2020 tương đương 2.585 triệu đồng, tăng 4,48% so với năm 2021 tương đương 1.074 triệu đồng.
- Lợi nhuận sau thuế năm 2022 là 20.020 triệu đồng, đạt 103,41% kế hoạch, tăng 2,36% so với năm 2020 tương đương 461 triệu đồng, giảm 0,5% so với năm 2021 tương đương 100 triệu đồng.



3. Hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp thông qua các chỉ tiêu: tỷ suất lợi nhuận thực hiện trên vốn chủ sở hữu, tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE), tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA).

- Tỷ suất lợi nhuận thực hiện trên vốn chủ sở hữu là: 9,07%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE) là: 7,25%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA) là: 6,02%

4. Phân tích lưu chuyển tiền tệ trong năm 2022:

- Lượng tiền mặt doanh nghiệp tạo ra đáp ứng đủ nhu cầu cho các hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động đầu tư và tài chính của doanh nghiệp.
- Lượng tiền mặt doanh nghiệp tạo ra đáp ứng được việc thanh toán đủ và kịp thời các khoản nợ đến hạn.

IV. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước, tình hình phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ, tình hình biến động của Quỹ Hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp tại tập đoàn kinh tế, tổng công ty (kèm theo Biểu 02.Đ)

1. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước:

2. Tình hình phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ.

V. Tình hình chấp hành chế độ, chính sách và pháp luật: ITAXA tuân thủ và chấp hành các quy định pháp luật nhà nước bao gồm các lĩnh vực về đầu tư, quản lý và sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp, thuế, thu nộp ngân sách, chế độ báo cáo tài chính, báo cáo giám sát tài chính và báo cáo khác, việc thực hiện kết quả thanh tra, kiểm tra theo các nội dung quy định.

VI. Giải trình của doanh nghiệp đối với các ý kiến đánh giá của doanh nghiệp kiểm toán độc lập, ý kiến của Kiểm soát viên, của cơ quan đại diện chủ sở hữu và cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về báo cáo tài chính của doanh nghiệp

VII. Tình hình thực hiện việc cơ cấu lại vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp, cơ cấu lại vốn của doanh nghiệp đầu tư tại công ty con, công ty liên kết

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN



Nguyễn Châu Phúc

14/02

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ HUY ĐỘNG VỐN ĐỂ ĐẦU TƯ VÀO CÁC DỰ ÁN HÌNH THÀNH TSCĐ VÀ XDCB

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

TT	Tên dự án	Quyết định phê duyệt	Tổng mức vốn đầu tư (triệu đồng)					Thời gian đầu tư theo kế hoạch	Nguồn vốn huy động			Thực hiện đến ngày 31/12/2022			Giải ngân đến ngày 31/12/2022 (triệu đồng)			Giá trị TS đã hình thành và đưa vào sử dụng
			Tổng	Vốn chủ sở hữu	%	Vốn huy động	%		Tổng số	Thời hạn vay	Lãi suất (%)	Kỳ trước chuyển sang	Thực hiện trong kỳ	Thực hiện đến hết ngày 31/12/2022	Kỳ trước chuyển sang	Thực hiện trong kỳ	Thực hiện đến hết ngày 31/12/2022	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
A Các nhóm dự án A																		
1																		
B Các nhóm dự án B																		
1																		
C Các nhóm dự án khác																		
1	Đầu tư 01 hệ thống máy in offset tờ rời 2 mặt 4/4 màu đã qua sử dụng	QĐ:09/QĐ-HĐTV ngày 13/10/2022	8.630	8.630				05 tháng									1.980	



Hội đồng thành viên
(Ký, đóng dấu)

Nguyễn Châu Phúc

Người lập biểu
(Ký)

Trần Ngọc Thành

Kế toán trưởng
(Ký)

Đặng Thị Ngọc Hiếu



Giám đốc
(Ký, đóng dấu)

Nguyễn Đức Trọng

BÁO CÁO TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT VÀ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NĂM 2022

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

STT	Tên công ty con, công ty liên kết	Vốn góp của doanh nghiệp, giá trị đầu tư						Vốn Điều lệ	Vốn chủ sở hữu của công ty con, công ty liên kết	Doanh thu		Lợi nhuận sau thuế		Cổ tức hoặc lợi nhuận được chia của năm báo cáo	Tỷ lệ LN được chia trên vốn đầu tư (%)	Hệ số khả năng thanh toán nợ đến hạn của Cty con, Cty liên kết	Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu của Cty con, cty liên kết
		Giá trị vốn góp			Tỷ lệ vốn góp (%)					Năm 2021	Năm 2022	Năm 2021	Năm 2022				
		Kế hoạch	Năm 2021	Tại thời điểm 31/12/2022	Kế hoạch	Năm 2021	Tại thời điểm 31/12/2022										
(1)	(2)	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16-15/5	17	17
I	Đầu tư vào công ty con																
	- Công ty CP Địa Sinh		22.785	22.785		72,09%	72,09%	27.400	31.605	53.267	64.139	2.587	2.574	1.823	8,00%	6,89	0,16
II	Đầu tư vào công ty liên kết																
III	Đầu tư tài chính khác																



Hội đồng thành viên
(Ký, đóng dấu)

Nguyễn Châu Phúc

Người lập biểu
(Ký)

Trần Ngọc Thành

Kế toán trưởng
(Ký)

Đặng Thị Ngọc Hiếu



Giám đốc
(Ký, đóng dấu)

Nguyễn Đức Trọng

TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NĂM 2022

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

DVT: triệu đồng, triệu trang

Nội dung	Năm 2020	Năm 2021	Thực hiện năm 2022		Biến động so với (tỷ lệ %)		
			Kế hoạch năm	Thực hiện	Năm 2020	Năm 2021	Kế hoạch năm
	1	2	3	4	5=4/1	6=4/2	7=4/3
A.Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh							
1.Sản lượng sản xuất (trang in offset 13x19cm)	18.655	20.998	22.000	25.904	138,86%	123,36%	117,75%
2.Sản lượng tiêu thụ (trang in offset 13x19cm)	18.655	20.998	22.000	25.904	138,86%	123,36%	117,75%
3.Tồn kho cuối kỳ							
B.Chỉ tiêu tài chính							
1.DT thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	171.328	156.705	167.200	174.318	101,75%	111,24%	104,26%
2.Giá vốn bán hàng	110.285	104.132		110.005	99,75%	105,64%	
3.LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	61.043	52.573		64.313	105,36%	122,33%	
4.Doanh thu hoạt động tài chính	9.654	14.788	9.000	12.305	127,46%	83,21%	136,72%
5.Chỉ phí tài chính		2				-100,00%	
6.Chỉ phí bán hàng	799	950		1.173	146,81%	123,47%	
7.Chỉ phí quản lý doanh nghiệp	53.265	47.723		57.176	107,34%	119,81%	
8.Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	16.633	18.686		18.269	109,84%	97,77%	
9.Thu nhập khác	9.480	7.901	8.800	9.904	104,47%	125,35%	112,55%
10.Chỉ phí khác	3.647	2.610		3.122	85,60%	119,62%	
11.Lợi nhuận khác	5.833	5.291		6.782	116,27%	128,18%	
12.Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	22.466	23.977	24.200	25.051	111,51%	104,48%	103,52%
13.Chỉ phí thuế TNDN hiện hành	2.907	3.857		5.031	173,07%	130,44%	
14.Chỉ phí thuế TNDN hoãn lại							
15.Lợi nhuận sau thuế TNDN	19.559	20.120	19.360	20.020	102,36%	99,50%	103,41%

Hội đồng thành viên
(Ký, đóng dấu)

Nguyễn Châu Phúc

Người lập biểu
(Ký)

Trần Ngọc Thành

Kế toán trưởng
(Ký)

Đặng Thị Ngọc Hiếu

Giám đốc
(Ký, đóng dấu)

Nguyễn Đức Trọng

A. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Số còn phải nộp năm trước chuyển sang	Số phát sinh phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số còn phải nộp chuyển sang kỳ sau
1. Thuế	973.923.553	20.053.775.959	19.174.333.291	1.853.366.221
- Thuế GTGT	499.235.962	9.034.476.813	9.085.850.378	447.862.397
- Thuế TNDN	273.192.939	5.030.738.655	4.237.787.101	1.066.144.493
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	-	-
- Thuế đất	-	-	-	-
- Các khoản thuế khác	201.494.652	5.988.560.491	5.850.695.812	339.359.331
2. Các khoản phải nộp khác	-	-	-	-
- Phí, lệ phí	-	-	-	-
- Các khoản phải nộp khác	-	-	-	-
3. Nộp Ngân sách nhà nước (Quỹ Hỗ trợ và phát triển DN) phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp theo quy định	229.884.839	619.971.425	1.229.884.839	(380.028.575)

B. TÌNH HÌNH TRÍCH LẬP VÀ SỬ DỤNG CÁC QUỸ NĂM 2022

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

Chỉ tiêu	Dư đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Dư cuối kỳ
1. Quỹ đầu tư phát triển	26.215.062.616	6.006.006.881	26.215.062.616	6.006.006.881
2. Quỹ khen thưởng phúc lợi	5.092.967.575	13.096.440.000	4.235.326.000	13.954.081.575
3. Quỹ thưởng VCQLDN	365.957.433	306.544.631	324.352.125	348.149.939
4. Quỹ hỗ trợ sắp xếp DN	-	-	-	-
5. Quỹ đặc thù khác (nếu có)	-	-	-	-

Ghi chú:

* Mục 1. Quỹ đầu tư phát triển giảm trong kỳ do ITAXA đã nộp số tiền 26.215.062.616 đồng là tiền chênh lệch giữa vốn chủ sở hữu và vốn điều lệ vào ngân sách nhà nước theo Nghị định số 148/2021/NĐ-CP của Chính phủ và công văn số 864/TTX-KHTC của TTXVN ngày 29/08/2022

* Mục 2. Quỹ khen thưởng phúc lợi tăng trong kỳ là: 13.096.440.000đ, trong đó số tiền: 13.087.500.000đ được trích lập từ lợi nhuận sau thuế và số tiền: 8.940.000đ là tiền thưởng nhận bằng khen của Tổng Giám đốc TTXVN.

Hội đồng thành viên
(Ký, đóng dấu)

Người lập biểu
(Ký)

Kế toán trưởng
(Ký)

Giám đốc
(Ký, đóng dấu)



Nguyễn Châu Phúc

Trần Ngọc Thành

Đặng Thị Ngọc Hiếu

Nguyễn Đức Trọng

BÁO CÁO KẾT QUẢ GIÁM SÁT TÀI CHÍNH
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA SINH
NĂM 2022

1. Tình hình sản xuất kinh doanh:

- Tổng doanh thu năm 2022 là 64.139 triệu đồng, tăng 20,41% so với năm 2021 tương đương 10.872 triệu đồng.
- Tổng chi phí năm 2022 là 60.762 triệu đồng, tăng 21,45% so với năm 2021 tương đương 10.733 triệu đồng.
- Lợi nhuận trước thuế năm 2022 là 3.377 triệu đồng, tăng 4,29% so với năm 2021 tương đương 139 triệu đồng.
- Lợi nhuận sau thuế năm 2022 là 2.574 triệu đồng, giảm 0,5% so với năm 2021 tương đương 13 triệu đồng.

2. Hiệu quả đầu tư vốn:

$$\begin{aligned} 2.1 \quad \text{Hệ số bảo toàn vốn} &= \frac{\text{Vốn chủ sở hữu của DN tại thời điểm báo cáo}}{\text{Vốn chủ sở hữu của DN cuối kỳ trước liền kề}} \\ &= \frac{32.797.811.083}{32.797.811.083} = 1,00 \end{aligned}$$

Hệ số bảo toàn vốn = 1: Công ty Cổ phần Địa Sinh bảo toàn vốn.

$$\begin{aligned} 2.2 \quad \begin{array}{l} \text{Tỷ suất lợi nhuận sau} \\ \text{thuế trên vốn đầu tư} \\ \text{của chủ sở hữu} \end{array} &= \frac{\begin{array}{l} \text{Lợi nhuận sau thuế} \\ \text{Vốn đầu tư của chủ sở hữu} \end{array}}{100\% \times} \\ &= \frac{2.573.797.938}{31.604.564.975} \times 100\% = 8,14\% \end{aligned}$$

Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn đầu tư của chủ sở hữu là: 8,14%, chỉ tiêu này đánh giá đầu tư 1 đồng vốn tạo ra được 0,0814 đồng lợi nhuận sau thuế.

3. Tình hình tài chính:

3.1	Khả năng thanh toán nợ đến hạn	=	Tài sản ngắn hạn	
			Nợ ngắn hạn	
		=	40.002.864.742	=
			5.809.632.968	6,89
3.2	Hệ số nợ phải trả trên nguồn vốn chủ sở hữu	=	Tổng nợ phải trả	
			Nguồn vốn chủ sở hữu	
		=	5.809.632.968	0,16
			35.372.941.042	

TP.HCM, ngày 20 tháng 04 năm 2023

Đại diện chủ sở hữu

(Ký, đóng dấu)



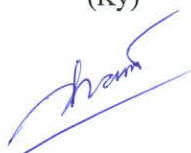
Nguyễn Châu Phúc

7/22

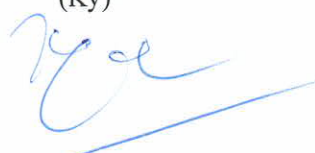
ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ XẾP LOẠI DOANH NGHIỆP NĂM 2022Tên công ty: **CÔNG TY TNHH MTV ITAXA**Loại hình DN: **DOANH NGHIỆP 100% VỐN NHÀ NƯỚC**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

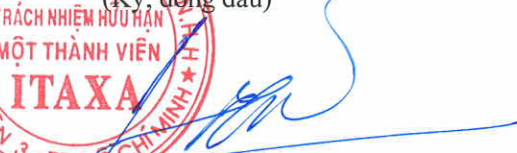
Chỉ tiêu 1 (triệu đồng)			Chỉ tiêu 2							Chỉ tiêu 3				Chỉ tiêu 4 xếp loại	Chỉ tiêu 5 xếp loại	Xếp loại DN	
Doanh thu và thu nhập khác			Lợi nhuận (triệu đồng)		Vốn CSH bình quân (triệu đồng)		Tỷ suất LN/Vốn (%)		Xếp loại	Khả năng thanh toán nợ đến hạn			Nợ quá hạn (triệu đồng)				Xếp loại
KH	TH	Xếp loại	KH	TH	KH	TH	KH	TH		TSNH (triệu đồng)	Nợ NH (triệu đồng)	TSNH/ Nợ NN (lần)					
185.000	196.526	A	19.360	20.020	284.705	276.163	6,8%	7,2%	A	44.170	46.719	0,95	0	B	A		A

Người lập biểu
(Ký)


Trần Ngọc Thành

Kế toán Trưởng
(Ký)


Đặng Thị Ngọc Hiếu

Giám đốc
(Ký, đóng dấu)


Nguyễn Đức Trọng

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP NĂM 2022

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

STT	Tên doanh nghiệp	Tỷ suất Lợi nhuận / Vốn CSH			Kết quả xếp loại DN	Tình hình chấp hành tiêu chí đánh giá kết quả hoạt động của Người quản lý doanh nghiệp	Xếp loại hoạt động Người quản lý doanh nghiệp
		Kế hoạch	Thực hiện	% Thực hiện/ Kế hoạch			
1	2	3	4	5	6	7	8
1	Công ty TNHH MTV ITAXA	6,8%	7,2%	106,5%	A	A	A

Người lập biểu
(Ký)



Trần Ngọc Thành

Kế toán trưởng
(Ký)



Đặng Thị Ngọc Hiếu

Giám đốc
(Ký, đóng dấu)



Nguyễn Đức Trọng